

Số: **1106**/QĐ-SGDĐT

Quảng Ngãi, ngày **08** tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/03/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Thông tư 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/03/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy chế đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 29/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng; Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Thi đua khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh về Quy chế Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Sở, Thủ trưởng các đơn vị trong ngành Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thái

QUY ĐỊNH
Đánh giá sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học
trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 110/QĐ-SGDĐT ngày 08/9/2021
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, trình tự xét, công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học làm căn cứ xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được đánh giá theo tiêu chuẩn của Quy định này là các giải pháp có liên quan trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được áp dụng vào thực tiễn, giúp nâng cao năng suất lao động, hiệu suất công tác, hiệu quả quản lý, dạy học và các hoạt động giáo dục.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng để đánh giá sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Sáng kiến* là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp) do cá nhân hoặc nhóm tác giả tạo ra và áp dụng có hiệu quả trong thực tế, mang lại lợi ích thiết thực.

2. *Nghiên cứu khoa học (NCKH)* là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy, sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn.

3. *Đề tài nghiên cứu khoa học* là hình thức tổ chức nghiên cứu khoa học do một người hoặc nhóm người thực hiện, nhằm giải quyết vấn đề mang tính khoa học về một lĩnh vực nào đó.

4. *Giải pháp kỹ thuật* là những sáng kiến đổi mới cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật về giáo dục và đào tạo; đồ dùng dạy học các cấp học, đồ chơi cho trẻ mầm non do cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên tự làm có kèm bản thuyết minh giải pháp.

5. *Giải pháp quản lý* là những sáng kiến đổi mới phương pháp tổ chức, điều hành, kiểm tra, giám sát công việc của tác giả được giao nhiệm vụ quản lý hoặc những sáng kiến xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch hoạt động, hoặc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong các hoạt động thực tiễn của tác giả tại cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục và đào tạo.

6. *Giải pháp tác nghiệp* là những sáng kiến đổi mới phương pháp thực hiện thao tác nghiệp vụ hành chính, chuyên môn; phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá chất lượng học sinh; phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

7. *Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật* là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp mà tác giả đã áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết về giáo dục và đào tạo vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao so với trước.

8. *Hội thi giáo viên giỏi* được hiểu là hội thi giáo viên dạy giỏi, hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh giỏi và các hội thi khác có yêu cầu đánh giá sáng kiến.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 4. Tiêu chuẩn sáng kiến, đề tài NCKH

1. Có tính mới, khoa học và trong thực tiễn chưa có:

- Lần đầu tiên được áp dụng tại cơ sở đó;
- Nội dung không trùng với nội dung của các sáng kiến, đề tài NCKH đã được công nhận trước đó hoặc đã có ở nơi khác;
- Chưa được công bố, công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay;
- Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;
- Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

2. Tính khả thi:

- Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Phù hợp với điều kiện thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương tại thời điểm đưa ra sáng kiến để triển khai;

- Được triển khai thực hiện mang lại năng suất, chất lượng, hiệu quả vượt trội và có thể ứng dụng phổ biến, nhân rộng trong toàn ngành, toàn tỉnh.

3. Tính hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực khi áp dụng:

- Hiệu quả kinh tế: Nâng cao năng suất lao động, công tác, tiết kiệm về thời gian, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật, sản xuất,...;

- Hiệu quả về lợi ích xã hội: nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người học; cải thiện điều kiện làm việc, công tác; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, quản lý giáo dục và đào tạo,...

4. Sáng kiến, đề tài NCKH đã được hội đồng khoa học, sáng kiến cấp trường công nhận và đã ứng dụng triển khai trong thực tiễn.

Điều 5. Điều kiện xét, công nhận sáng kiến, đề tài NCKH

1. Sáng kiến, đề tài NCKH đề nghị Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng phải đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP; Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Sáng kiến, đề tài NCKH được Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở công nhận phải đảm bảo các yêu cầu: hình thức đúng quy định, đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4, Khoản 1 Điều 5 của Quy định này và được Hội đồng đánh giá xếp loại từ trung bình trở lên.

3. Sáng kiến, đề tài NCKH đã được đánh giá, công nhận nhưng sau đó phát hiện người có sáng kiến, đề tài không phải là tác giả, đồng tác giả của sáng kiến, người cùng tham gia đề tài hoặc có sự gian dối trong kê khai, sao chép, trùng lặp về nội dung, xâm phạm bản quyền tác giả của người khác,... thì Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở sẽ hủy bỏ kết quả công nhận. Tùy theo mức độ vi phạm, cá nhân có đơn đề nghị công nhận sáng kiến, đề tài NCKH và người đứng đầu cơ quan xác nhận, đề nghị sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CẤU TRÚC, HÌNH THỨC VÀ CÁCH TRÌNH BÀY

Điều 6. Cấu trúc, hình thức và cách trình bày

1. Cấu trúc sáng kiến, đề tài NCKH

a) Cấu trúc đề tài NCKH gồm có 03 phần: Đặt vấn đề (Lý do chọn đề tài), Nội dung (bao gồm cả giải pháp thực hiện), Kết luận và kiến nghị; được thể hiện tối thiểu là 15 trang, đề tài NCKH được trình bày theo thứ tự như sau:

- Bìa chính mặt trước và sau: In bằng giấy A4 cứng, màu (Mẫu 01);
- Phụ bìa: in trên giấy A4 thường, màu trắng (Mẫu 02);
- Mục lục, danh mục hình vẽ, sơ đồ (nếu có);
- Danh mục các từ viết tắt (nếu có);
- Lý do chọn đề tài;
- Phần nội dung;
- Kết luận và kiến nghị;
- Phần danh mục tài liệu tham khảo;
- Phần phụ lục (nếu có).

b) Cấu trúc sáng kiến gồm có 04 phần: Phần mở đầu, Nội dung, Giải pháp thực hiện, Kết luận và kiến nghị; được thể hiện tối thiểu là 05 trang (*chi tiết theo Phụ lục 03*), sáng kiến được trình bày theo thứ tự:

- Bìa chính mặt trước và sau: In bằng giấy A4 cứng, màu (Mẫu 01);
- Phụ bìa: in trên giấy A4 thường, màu trắng (Mẫu 02);
- Phần mở đầu;
- Phần nội dung;
- Giải pháp thực hiện;
- Kết luận và kiến nghị;
- Tài liệu tham khảo (nếu có).

Cuối mỗi tập sáng kiến, đề tài NCKH có các trang theo thứ tự: chữ ký, lời cam đoan của tác giả (cam đoan đề tài NCKH hoặc sáng kiến do bản thân thực hiện, không sao chép nội dung của người khác, nếu vi phạm chịu xử lý theo quy định); Duyệt của Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp trường; Duyệt của Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở.

2. Cách trình bày

a) Về soạn thảo văn bản

Trình bày ngắn gọn, rõ ràng, khoa học, không được tẩy xóa; sử dụng font chữ Times New Roman bộ mã Unicode theo định dạng như sau:

- Cỡ chữ (size): 14, khoảng cách giữa các ký tự (character spacing) bình thường; khoảng cách dòng (line spacing) 1,5; Khoảng cách các đoạn (paragraph spacing): Trước (before): 2, sau (after): 2. Định dạng trang (page setup) được qui định như sau: Cỡ trang (page size): 210x297 mm, chiều rộng (width): 21cm,

chiều cao (height): 29,7 cm; Lệ trên (top): 2 cm, lệ dưới (bottom): 2 cm, lệ trái (left): 3,5 cm, lệ phải (right): 2 cm.

b) Về bảng, biểu, hình vẽ, phương trình

- Phải được đặt theo ngay sau phần được đề cập trong bài viết.

- Tên gọi chung khi chú giải là Hình (trừ bảng có tên gọi là Bảng), được đánh số Ả rập theo thứ tự.

- Bảng, biểu... lấy từ các nguồn khác nhau phải được trích dẫn đầy đủ, nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục tài liệu tham khảo.

- Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên, đầu đề hình ghi ở phía dưới.

c) Trình bày chương, mục

- Chương: Mỗi chương phải được bắt đầu một trang mới. Chữ “Chương” được viết hoa, in đậm và số chương là số Ả rập được viết ngay theo sau và được đặt chính giữa trang, cỡ chữ 16. Tên nội dung của chương đặt bên dưới chữ “Chương”. Tên chương phải viết hoa, in đậm, cỡ chữ 16; được đặt cách chữ Chương một hàng trống và được đặt giữa trang.

- Mục: Các tiểu mục của đề tài được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, tối đa gồm 4 chữ số với chỉ số thứ nhất là chỉ số chương.

+ Mục cấp 1: số thứ tự mục cấp 1 được đánh theo chương, số thứ tự Ả rập sát lề trái, chữ hoa, in đậm.

+ Mục cấp 2: được đánh theo mục cấp 1, số thứ tự Ả rập cách lề trái 0,5 cm, chữ thường, in đậm.

+ Mục cấp 3: được đánh theo mục cấp 2, số thứ tự Ả rập cách lề trái 0,5 cm, chữ thường, in nghiêng.

d) Đánh số trang và viết tắt

- Phần bài viết được đánh số Ả rập, số trang được đánh ở chính giữa đầu trang. Trang 01 (một) được tính từ trang đầu tiên của Chương 1 (hoặc phần mở đầu) đến hết sáng kiến, đề tài NCKH, kể cả hình, bảng trong chương.

- Quy định về viết tắt: hạn chế tối đa viết tắt, nhưng trong một số trường hợp đặc biệt, cụm từ quá dài và được lặp lại nhiều lần trong sáng kiến, đề tài NCKH thì có thể viết tắt. Tất cả những chữ viết tắt không phải là chữ thông dụng thì phải được viết nguyên văn ra lần đầu tiên và chữ viết tắt kèm theo trong ngoặc đơn. Chữ viết tắt lấy các ký tự đầu tiên của các từ, bỏ giới từ, viết in hoa. Không được viết tắt ở ngay đầu câu.

đ) Cách trình bày danh mục tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ. Các tài liệu nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch...

- Tài liệu tham khảo được xếp theo thứ tự ABC họ tên tác giả theo thông lệ từng nước.

+ Tác giả là người nước ngoài: xếp theo thứ tự ABC theo họ.

+ Tác giả là người Việt Nam: xếp theo thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ.

+ Nếu tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành.

Chương IV **HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, SÁNG KIẾN**

Điều 7. Hội đồng khoa học, sáng kiến

1. Thành viên Hội đồng khoa học, sáng kiến các cấp gồm có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

2. Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp trường, trung tâm hoặc tương đương thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (*gọi tắt là Hội đồng sáng kiến cấp trường*): Có nhiệm vụ tổ chức đánh giá, xét duyệt sáng kiến, đề tài NCKH cấp trường, trình Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở. Thành phần của Hội đồng bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Thủ trưởng đơn vị (*hoặc người được ủy quyền*).

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Các phó thủ trưởng và Chủ tịch Công đoàn của đơn vị.

- Thư ký Hội đồng (*do Chủ tịch Hội đồng quyết định*).

- Thành viên Hội đồng: Là các cá nhân đảm bảo tiêu chuẩn tham gia Hội đồng và am hiểu về lĩnh vực được mời đánh giá.

3. Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở (cấp huyện, thành phố và tương đương; Sở Giáo dục và Đào tạo).

Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở đánh giá đề tài, sáng kiến đạt cấp trường và xem xét công nhận cấp cơ sở.

a) Thành phần của Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (*hoặc người được ủy quyền*).

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo; Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (*hoặc người được ủy quyền*).

- Thư ký Hội đồng: Thư ký Hội đồng (*do Chủ tịch Hội đồng quyết định*).

- Thành viên Hội đồng: Là các cá nhân đảm bảo tiêu chuẩn tham gia Hội đồng và am hiểu về lĩnh vực được mời đánh giá; một số cán bộ quản lý, giáo viên có kinh nghiệm và uy tín của các đơn vị trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo (*tùy theo yêu cầu công việc để mời*); lãnh đạo các phòng, ban thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 8. Đánh giá sáng kiến, đề tài NCKH

1. Đối với đề tài NCKH

- Cách chấm điểm và đánh giá (Phụ lục 01).
- Phiếu chấm điểm và đánh giá độc lập (Mẫu 03).
- Sau khi 02 giám khảo chấm điểm độc lập. Hội đồng khoa học, sáng kiến các cấp tổ chức xét duyệt để thống nhất điểm theo biên bản (Mẫu 04).

2. Đối với Sáng kiến

- Cách chấm điểm và đánh giá (Phụ lục 02).
- Phiếu chấm điểm và đánh giá độc lập (Mẫu 05).
- Sau khi 02 giám khảo chấm điểm độc lập. Hội đồng khoa học, sáng kiến các cấp tổ chức xét duyệt để thống nhất điểm theo biên bản (Mẫu 06).

Điều 9. Xếp loại và áp dụng kết quả sáng kiến, đề tài NCKH

1. Xếp loại:

a. Sáng kiến, đề tài NCKH đạt yêu cầu có tổng số điểm từ 5,0 trở lên, được xếp loại như sau:

- Xuất sắc: từ 9,0 - 10 điểm.
- Khá: từ 7,0 - dưới 9,0 điểm.
- Trung bình: từ 5,0 - dưới 7,0 điểm.

b. Không đạt yêu cầu: có tổng điểm dưới 5,0 điểm hoặc có tổng điểm lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm nhưng có 1 tiêu chuẩn bị không điểm (0,0 điểm).

2. Áp dụng kết quả sáng kiến, đề tài NCKH

Kết quả sáng kiến, đề tài NCKH dùng làm điều kiện để công nhận danh hiệu thi đua, tặng bằng khen và các danh hiệu cao quý khác.

Chương VI

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ YÊU CẦU THỦ TỤC, HỒ SƠ SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 10. Quy trình đánh giá sáng kiến, đề tài NCKH của Hội đồng khoa học, sáng kiến các cấp

1. Đối với cấp trường:

Việc đánh giá, xếp loại sáng kiến, đề tài NCKH của các đơn vị theo các trình tự như sau:

- Bước 1: Tổ chuyên môn tiếp nhận hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận sáng kiến, đề tài NCKH gồm: Đơn đề nghị công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài NCKH (Phụ lục 06); Báo cáo tóm tắt hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài NCKH (Phụ lục 07); Bản chính sáng kiến, đề tài NCKH có chữ ký và lời cam đoan của tác giả (02 bản).

- Bước 2: Tổ chuyên môn thẩm định, ghi nhận xét, đánh giá, xếp loại vào cuối bản sáng kiến, đề tài NCKH và trình Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp trường.

- Bước 3: Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp trường thẩm định, ghi đánh giá nhận xét, xếp loại vào cuối bản sáng kiến, đề tài NCKH và cho điểm chi tiết vào phiếu đánh giá và biên bản xét duyệt sáng kiến, đề tài NCKH.

- Bước 4: Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp trường họp để nghe báo cáo tình hình chấm, thống nhất kết quả và lấy ý kiến đồng ý để đề nghị xét danh hiệu chiến sĩ thi đua. Chủ tịch Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp trường xác nhận kết quả vào sáng kiến, đề tài NCKH và biên bản xét duyệt.

- Bước 5: Hoàn thành đầy đủ các hồ sơ nộp về đơn vị quản lý cấp trên theo các mốc thời gian quy định.

2. Đối với cấp cơ sở:

- Bước 1: Tổ thư ký tiếp nhận, tổng hợp phân loại hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận sáng kiến, đề tài NCKH.

- Bước 2: Tổ chức thẩm định sáng kiến, đề tài NCKH theo từng môn/lĩnh vực:

+ Chủ tịch Hội đồng tổ chức phổ biến tiêu chuẩn đánh giá, biểu điểm, cách xếp loại và các quy định có liên quan.

+ Thành viên Hội đồng nhận hồ sơ đánh giá từ Tổ thư ký (mỗi sáng kiến, đề tài NCKH phải được ít nhất 2 thành viên đánh giá độc lập). Trường hợp có 2 phiếu đánh giá có điểm chênh lệch lớn (từ 2 điểm trở lên), báo cáo xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng.

- Bước 3: Tổ thư ký tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại, báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

- Bước 4: Hội đồng khoa học, sáng kiến họp để nghe báo cáo tình hình chấm, thống nhất kết quả và lấy ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng xác nhận kết quả vào sáng kiến, đề tài NCKH và biên bản xét duyệt.

- Bước 5: Hoàn thành đầy đủ các hồ sơ nộp về cơ quan quản lý cấp trên theo quy định (nếu có).

Điều 11. Yêu cầu thủ tục hồ sơ sáng kiến, đề tài NCKH

1. Tờ trình đề nghị đánh giá, công nhận sáng kiến, đề tài NCKH của Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp trường.

2. Bảng tổng hợp danh sách kết quả chấm sáng kiến, đề tài NCKH (theo Phụ lục 06) cấp trường gửi Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở.

2. Biên bản xét duyệt, phiếu đánh giá sáng kiến, đề tài NCKH (theo Mẫu 03, 04, 05, 06) có đủ các thông tin: 2 thành viên chấm ký, có chữ ký của Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp trường đóng thành tập theo thứ tự bảng danh sách tổng hợp sáng kiến, đề tài NCKH.

3. Sáng kiến, đề tài NCKH được in, đóng tập theo đúng quy định. Nếu có minh họa kèm theo nội dung sáng kiến, đề tài NCKH bằng file film, hình ảnh... thì gửi kèm theo đề tài, sáng kiến đĩa CD, DVD ROM.

- Số lượng:

+ 02 bản chính đối với sáng kiến, đề tài NCKH đề nghị công nhận cấp cơ sở.

+ 03 bản chính đối với sáng kiến, đề tài NCKH đề nghị công nhận cấp tỉnh.

+ 04 bản chính đối với sáng kiến, đề tài NCKH đề nghị công nhận cấp toàn quốc.

- Sáng kiến, đề tài NCKH đề nghị Hội đồng cấp cơ sở đánh giá phải có Đơn đề nghị công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài NCKH (Phụ lục 07); Báo cáo tóm tắt hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài NCKH (Phụ lục 08).

4. Thời gian nộp, nơi nhận hồ sơ:

- Hồ sơ đăng ký: (Phụ lục 05) nộp kèm theo hồ sơ đăng ký thi đua đầu năm học.

- Hồ sơ đề nghị thẩm định sáng kiến, đề tài NCKH: (thành phần hồ sơ quy định tại Điều 11 của Quy chế này) Từ ngày 01/4 đến hết ngày 15/4 hàng năm.

- Nơi nhận hồ sơ: Bộ phận Thi đua, Khen thưởng Sở.

5. Tất cả file sáng kiến, đề tài NCKH (*Tên file đề tài KH, SK qui định như sau: **Môn hoặc lĩnh vực_tentacgia_tendonvi.doc**. Ví dụ: SK môn Toán của tác giả Nguyễn Văn A, trường THPT B sẽ đặt tên file: toan_Nguyễn Văn A_THPT B.doc*) và bảng tổng hợp danh sách kết quả chấm ghi chung vào 01 đĩa CD, DVD/ đơn vị, gửi về Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo, số 58 Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi và qua email: thidua@quangngai.edu.vn.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các Hội đồng khoa học, sáng kiến (thuộc ngành giáo dục và đào tạo), Ban Tổ chức hội thi giáo viên giỏi, các cơ sở giáo dục và đào tạo có trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có điểm nào chưa phù hợp, cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Văn phòng Sở để tham mưu trình Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC

Phụ lục 01	Tiêu chuẩn đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học
Phụ lục 02	Tiêu chuẩn đánh giá sáng kiến
Phụ lục 03	Cấu trúc sáng kiến
Phụ lục 04	Phân loại lĩnh vực sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học theo lĩnh vực/môn
Phụ lục 05	Bảng tổng hợp danh sách đăng ký đề tài, sáng kiến cấp cơ sở, cấp tỉnh, toàn quốc
Phụ lục 06	Bảng tổng hợp danh sách kết quả chấm sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học năm học 20 - 20
Phụ lục 07	Đơn đề nghị công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài NCKH
Phụ lục 08	Báo cáo tóm tắt hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của đề tài, sáng kiến
Mẫu 01	Mẫu bìa cứng đề tài NCKH/ sáng kiến
Mẫu 02	Mẫu phụ bìa đề tài NCKH/ sáng kiến
Mẫu 03	Phiếu đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học
Mẫu 04	Biên bản xét duyệt đề tài nghiên cứu khoa học
Mẫu 05	Phiếu đánh giá sáng kiến
Mẫu 06	Biên bản xét duyệt sáng kiến

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chuẩn 1: Hình thức và cách trình bày (1,0 điểm)

(Cấu trúc, thể thức văn bản, ngôn ngữ, chính tả, văn phong ...)

* Nếu tác giả viết sai quan điểm, đường lối chính sách hay sai kiến thức chuyên môn thì 0 (không) điểm tiêu chuẩn 1.

* Nếu sai lỗi chính tả thì tùy mức độ mà giám khảo quyết định việc trừ điểm cho phù hợp.

Tiêu chuẩn 2. Lý do chọn đề tài thực hiện và thu thập, xử lý dữ liệu (1,5 điểm)

- Lý do chọn đề tài đảm bảo các nội dung: Đặt vấn đề hợp lý, khái quát thực trạng, tính cấp thiết, tính đổi mới của đề tài NCKH: 0,5 điểm

- Có thu thập dữ liệu cụ thể, chính xác, có giá trị minh chứng: 0,5 điểm.

- Xử lý số liệu, dữ kiện phù hợp với nội dung của đề tài, đảm bảo khoa học, logic...: 0,5 điểm.

* Nếu đề tài NCKH chỉ về lý luận và phân tích thực trạng chung chung, không có dữ liệu minh chứng cụ thể (chỉ cho điểm tối đa tiêu chuẩn này là 0,5 điểm).

Tiêu chuẩn 3: Tính khoa học và sự phạm (2,0 điểm)

- Tính khoa học: Đề tài NCKH đặt ra bao nhiêu vấn đề? Có mấy vấn đề thiết thực? Cách giải quyết từng vấn đề logic, thấy được minh chứng bằng số liệu cụ thể ở tiêu chí 2 có thiết thực không?: 1,0 điểm

- Đảm bảo tính sự phạm: 1,0 điểm

* Nếu đề tài NCKH nào không đề cập đến kết quả ứng dụng hay chưa minh chứng được kết quả mang lại (mới chỉ là vấn đề đang thử nghiệm) thì điểm tối đa của tiêu chuẩn 3 chỉ đạt 1,5 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Tính mới, sáng tạo và hiệu quả (2,5 điểm)

- Tính hiện đại, sáng tạo, có tính đột phá: 1,0 điểm.

- Tính thuyết phục: 0,5 điểm.

- Tính hiệu quả: 1,0 điểm.

* Nếu vấn đề nghiên cứu là vấn đề cũ (đã có những đề tài tương tự) và tác giả không có những lý luận, giải pháp mới có đột phá để giải quyết cái cũ thì không cho điểm sáng tạo (cho điểm dưới 1,0 tiêu chuẩn này).

Tiêu chuẩn 5: Tính phổ biến, phạm vi áp dụng và nhân rộng (3,0 điểm)

- Được áp dụng và có minh chứng khả thi tại đơn vị: 1,5 điểm.
- Được nhân rộng ở phạm vi một số đơn vị: 1,0 điểm.
- Được áp dụng rộng rãi (hay dự báo sẽ áp dụng) trên toàn huyện, tỉnh,...: 0,5 điểm.

** Nếu vấn đề nghiên cứu ít có hiệu quả và phạm vi áp dụng ở mức độ thấp (cho điểm dưới 1,0 tiêu chuẩn này).*

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ SÁNG KIẾN

Tiêu chuẩn 1. Hình thức và cách trình bày: (1,0 điểm)

(Cấu trúc, thể thức văn bản, ngôn ngữ, chính tả, văn phong ...)

Tiêu chuẩn 2. Lý do chọn vấn đề thực hiện (1,5 điểm)

- Đặt vấn đề phù hợp với nội dung thực hiện: 0,25 điểm.

- Đánh giá rõ thực trạng của vấn đề: 1,0 điểm.

- Vấn đề thực hiện thể hiện tính cấp thiết: 0,25 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Giải quyết nội dung của vấn đề nêu ra: (4,5 điểm)

Mô tả, phân tích các nội dung của vấn đề nêu ra thể hiện:

- Tính mới, sáng tạo và hiệu quả (2,5 điểm)

+ Sáng kiến hoàn toàn mới, được thực hiện lần đầu tiên: Cho điểm từ 2,0 - 2,5.

+ Sáng kiến có cải tiến so với các sáng kiến đã có trước đây: Tùy theo mức độ: Tốt, khá, trung bình...: Cho điểm từ 1,0 - 2,0.

+ Sáng kiến không có tính mới, sáng tạo và hiệu quả: Cho điểm 1,0 trở xuống.

- Đảm bảo tính sư phạm (1,0 điểm).

- Cách thực thực hiện và khả năng áp dụng của sáng kiến (1,0 điểm): Tùy cách thực thực hiện và khả năng áp dụng ở các mức độ tốt, khá, trung bình...: Cho điểm từ 0,5 - 1,0. Sáng kiến không thể hiện rõ cách thức thực hiện và khả năng áp dụng: Cho điểm từ 0,25 trở xuống.

Tiêu chuẩn 4. Hiệu quả của giải pháp thực hiện và phạm vi áp dụng, nhân rộng: (3,0 điểm)

+ Đánh giá hiệu quả các giải pháp thực hiện đạt được của sáng kiến và có phạm vi áp dụng, nhân rộng ở các mức độ tốt, khá, trung bình...: Cho điểm từ 1,0 - 3,0.

+ Các giải pháp thực hiện của sáng kiến ít có hiệu quả: Cho điểm từ 1,0 trở xuống.

CẤU TRÚC SÁNG KIẾN**I. PHẦN MỞ ĐẦU**

.....

II. NỘI DUNG**1. Thời gian thực hiện:** Từ năm đến năm**2. Đánh giá thực trạng**a) *Kết quả đạt được:*b) *Những mặt còn hạn chế:*c) *Nguyên nhân đạt được và nguyên nhân hạn chế:*.....**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN****1. Căn cứ thực hiện:.....****2. Nội dung, giải pháp và cách thức thực hiện:**a) *Nội dung, phương pháp:*....b) *Giải pháp thực hiện:*....**IV. KẾT LUẬN**

Kết quả đạt được và phạm vi áp dụng, vận dụng vào thực tiễn, đã được..... (phần này viết rõ nét, ghi đầy đủ và nêu lên sự nổi bật của giải pháp, tập trung viết những mặt đạt được, hiệu quả mang lại, thời gian thực hiện và phạm vi áp dụng):

**PHÂN LOẠI LĨNH VỰC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC,
SÁNG KIẾN THEO LĨNH VỰC/MÔN**

STT	TÊN LĨNH VỰC/MÔN	STT	TÊN LĨNH VỰC/MÔN
NGÀNH HỌC MẦM NON (Mã A+STT)			
1	Quản lý	4	Giáo dục mẫu giáo
2	Chăm sóc nuôi dưỡng	5	Lĩnh vực khác
3	Giáo dục nhà trẻ		
TIỂU HỌC (Mã B+STT)			
1	Tiếng Việt	11	Thể dục
2	Toán	12	Tự chọn
3	Đạo đức	13	Giáo dục tập thể
4	Tự nhiên xã hội	14	Công tác chủ nhiệm
5	Khoa học	15	Quản lý
6	Lịch sử và Địa lý	16	Công tác Đoàn, Đội
7	Âm nhạc	17	Thanh tra
8	Mỹ thuật	18	Công đoàn
9	Thủ công	19	Thư viện
10	Kỹ thuật	20	Lĩnh vực khác
TRUNG HỌC CƠ SỞ (Mã C+STT)			
1	Ngữ văn	13	Ngoại ngữ
2	Toán	14	Tin học, Ứng dụng CNTT
3	Giáo dục công dân	15	Tự chọn
4	Vật lý	16	Giáo dục tập thể
5	Hoá học	17	Công tác chủ nhiệm
6	Sinh học	18	Giáo dục hướng nghiệp
7	Lịch sử	19	Quản lý
8	Địa lý	20	Công tác Đoàn, Đội
9	Âm nhạc	21	Thanh tra
10	Mỹ thuật	22	Công đoàn
11	Công nghệ	23	Nhân viên
12	Thể dục	24	Thư viện
		25	Lĩnh vực khác
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (Mã D+STT)			
1	Ngữ văn	13	Tự chọn
2	Toán	14	Giáo dục tập thể
3	Giáo dục công dân	15	Chủ nhiệm

4	Vật lý	16	Giáo dục hướng nghiệp
5	Hoá học	17	Giáo dục nghề phổ thông
6	Sinh học	18	Quản lý
7	Lịch sử	19	Công tác Đoàn, Đội
8	Địa lý	20	Thanh tra
9	Công nghệ	21	Công đoàn
10	Thể dục	22	Nhân viên
11	Ngoại ngữ	23	Thư viện
12	Tin học, Ứng dụng CNTT	24	Giáo dục quốc phòng và an ninh
		25	Lĩnh vực khác
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP – GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (Mã E+STT)			
1	Toán	11	Dạy nghề
2	Vật lý	12	Hoạt động tập thể
3	Hoá học	13	Giáo dục hướng nghiệp
4	Sinh học	14	Chủ nhiệm
5	Ngữ văn	15	Quản lý
6	Lịch sử	16	Công tác Đoàn, Đội
7	Địa lý	17	Thanh tra
8	Giáo dục công dân	18	Công đoàn
9	Ngoại ngữ	19	Nhân viên
10	Tin học, Ứng dụng CNTT	20	Thư viện
		21	Lĩnh vực khác
SỞ, PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
<p>Cán bộ quản lý giáo dục các cấp, chuyên viên, nhân viên Sở, Phòng giáo dục và Đào tạo viết sáng kiến, đề tài NCKH áp dụng cho môn học/lĩnh vực của cấp học nào thì phân loại vào môn học hoặc lĩnh vực của cấp học đó. Nếu NCKH, Sáng kiến có nội dung chung cho nhiều cấp học thì xếp vào cấp học cao nhất.</p>			

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
 TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐĂNG KÝ ĐỀ TÀI, SÁNG KIẾN CẤP CƠ SỞ, CẤP TỈNH, TOÀN QUỐC
 NĂM HỌC 202...- 202...**

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Tên Đề tài, Sáng kiến	Cấp đề tài, sáng kiến	Đơn vị xếp loại	Phạm vi áp dụng
1	Nguyễn Văn A			Cấp toàn quốc		
2	Trần Thị B			Cấp tỉnh		
3	Nguyễn Văn C			Cấp cơ sở		

NGƯỜI LẬP BẢNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cấp tỉnh: Hội đồng khoa học sáng kiến cấp tỉnh thẩm định, công nhận
- Cấp cơ sở: Hội đồng khoa học, sáng kiến Sở GDĐT (hoặc tương đương) xét duyệt, công nhận
- Ghi đầy đủ các thông tin, không ghi tắt
- Cột Đơn vị xếp loại để trống

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM
SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
NĂM HỌC 20 - 20**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tên đề tài, sáng kiến	Lĩnh vực	Báo cáo tóm tắt nội dung	Theo đánh giá của Hội đồng		Điểm chấm	Xếp loại	Đối tượng
						Hiệu quả áp dụng vào thực tiễn	Phạm vi áp dụng (nhân rộng)			

Danh sách gồm có đề tài, sáng kiến./.

Chú ý:

- Họ và tên: (viết chính xác, không được viết tắt, xếp họ và tên theo từng nhóm lĩnh vực của đề tài, sáng kiến)

- Chức vụ (chỉ ghi các chức vụ liên quan đến lĩnh vực sáng kiến. Ví dụ: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên y tế, nhân viên thư viện, nhân viên kế toán hay Chủ tịch công đoàn, Bí thư đoàn trường)

- Tên đề tài, sáng kiến: (viết đầy đủ, không được viết tắt)

- Lĩnh vực: ghi số (theo Phụ lục 04)

- Báo cáo tóm tắt nội dung: Ghi ngắn gọn giải quyết vấn đề gì.

- Đối tượng: Đăng ký công nhận cấp cơ sở, cấp tỉnh, toàn quốc; khen thưởng khác.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài NCKH/ sáng kiến

Kính gửi: Hội đồng khoa học, sáng kiến

1. Tên đề tài NCKH/sáng kiến:.....
.....
2. Thuộc lĩnh vực:.....
3. Thời điểm đề tài NCKH/ sáng kiến được áp dụng:
4. Quyết định công nhận hoặc Giấy chứng nhận đề tài NCKH/ sáng kiến được áp dụng có hiệu quả (sốngày.....thángnăm...)
5. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân đã áp dụng có hiệu quả đề tài NCKH/ sáng kiến:
.....
.....
6. Tác giả (đồng tác giả) đề tài NCKH/ sáng kiến:

Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn (2)	Ghi chú

Tôi xin cam đoan nội dung thông tin nêu trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật (kèm theo đơn là Báo cáo hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của đề tài NCKH/ sáng kiến).

**XÁC NHẬN CỦA HỘI ĐỒNG KHOA
HỌC, SÁNG KIẾN CẤP TRƯỜNG**

(Ký, đóng dấu)

....., ngày ... tháng... năm

Người nộp đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG VÀ PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỀ TÀI, SÁNG KIẾN

I. SƠ LƯỢC BẢN THÂN

- Họ và tên:
- Sinh ngày, tháng, năm:Giới tính:.....
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):.....
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:.....
- Điện thoại:Email:.....

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI, SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến, (hoặc tên đề tài nghiên cứu khoa học):
-
2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến, đề tài:.....
-
3. Thời gian áp dụng sáng kiến: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
4. Số cơ quan, đơn vị, cá nhân đã hoặc đang áp dụng sáng kiến, đề tài:.....
-
5. Phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài (ghi rõ phạm vi ảnh hưởng):
Trong cơ quan; nhiều cơ quan, đơn vị; trong toàn ngành:.....

III. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỀ TÀI, SÁNG KIẾN:

1. Mô tả ngắn gọn, đầy đủ nội dung sáng kiến, đề tài và kết quả đạt được: (Tóm tắt từ nội dung của đề tài, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của cá nhân, phải đảm bảo cô đọng nhưng đầy đủ, chất lượng).....
-
2. Nêu rõ hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội do áp dụng sáng kiến, đề tài : (Có tác động như thế nào đến việc thực hiện nhiệm vụ công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương.....)
-
3. Phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài: (Nêu rõ ràng, cụ thể sáng kiến, đề tài đã được phổ biến, áp dụng trong phạm vi nào: Trong cơ quan, đơn vị

mình công tác hay nhiều cơ quan, đơn vị; hoặc có khả năng phổ biến, áp dụng rộng rãi cho những cơ quan, đơn vị nào trong toàn tỉnh, toàn quốc?).....

.....

**Xác nhận của cơ quan
đề nghị khen thưởng
(Ký, đóng dấu)**

**Người báo cáo (tác giả)
(Ký, ghi rõ họ tên)**

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN.....
TÊN ĐƠN VỊ.....

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/ SÁNG KIẾN

TÊN ĐỀ TÀI NCKH/ SÁNG KIẾN

(Yêu cầu viết ngắn gọn, rõ ràng, đúng trọng tâm đề tài NCKH, sáng kiến đề cập, độ dài không quá 30 từ)

Lĩnh vực/ Môn: *Ghi lĩnh vực theo bảng phân loại*

Tên tác giả:.....

Giáo viên môn (hoặc chức vụ):.....

NĂM HỌC 20... - 20...

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN.....
TÊN ĐƠN VỊ.....

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/SÁNG KIẾN

TÊN ĐỀ TÀI NCKH/ SÁNG KIẾN

(Yêu cầu viết ngắn gọn, rõ ràng, đúng trọng tâm đề tài NCKH, sáng kiến đề cấp, độ dài không quá 30 từ)

Lĩnh vực/ Môn: *Ghi lĩnh vực theo bảng phân loại*

Tên tác giả:.....

Giáo viên môn (hoặc chức vụ):

Tài liệu kèm theo (*nếu có*):

Ví dụ: đĩa CD, mô hình, sản phẩm, phụ lục...

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
NĂM HỌC 20..... – 20.....

Tên đề tài nghiên cứu khoa học:

Tên tác giả:..... Mã số:

Đơn vị:.....

PHẦN ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn	Đánh giá, nhận xét	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Hình thức và cách trình bày (Đúng quy cách)		1,0	
2. Tư liệu thu thập và cách xử lý (Phong phú, hợp lý)		1,5	
3. Tính khoa học và sự phạm (Thiết thực, phù hợp với các nguyên lý giáo dục và các nguyên tắc sự phạm, hiệu quả lâu dài)		2,0	
4. Tính sáng tạo, hiệu quả (Cập nhật quan điểm mới, sáng tạo, thuyết phục)		2,5	
5. Tính phổ biến, áp dụng (Có tính khả thi cao, phạm vi ứng dụng rộng)		3,0	
Tổng cộng		10,0	
Xếp loại			

Thời gian áp dụng:.....

Phạm vi áp dụng:.....

Đề nghị công nhận đề tài nghiên cứu khoa học: 1. cấp tỉnh ; 2. cơ sở

(Xuất sắc: từ 9,0 đến 10 điểm; Khá: từ 7,0 đến 8,9 điểm; Đạt: từ 5,0 đến 6,9 điểm; Không đạt: dưới 5,0 điểm hoặc có 1 tiêu chuẩn bị điểm không (0,0 điểm))

Người chấm
(Họ tên, chữ ký)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN ĐƠN VỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÉT DUYỆT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tên đề tài NCKH :

.....

Tác giả:Mã số:

Môn (hoặc Lĩnh vực):

Đơn vị :

.....

Đánh giá của Hội đồng chấm (Ghi tóm tắt những đánh giá chính):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1. Hình thức và cách trình bày: /1,0 điểm

2. Tư liệu thu thập và cách xử lý: /1,5 điểm

3. Tính khoa học và sự phạm: /2,0 điểm

4. Tính sáng tạo: /2,5 điểm

5. Tính phổ biến, ứng dụng: /3,0 điểm

Tổng cộng /10,0 điểm

Xếp loại :..... Trong đó, *Xuất sắc*: từ 9,0 đến 10 điểm; *Khá*: từ 7,0 đến 8,9 điểm; *Đạt*: từ 5,0 đến 6,9 điểm; *Không đạt*: dưới 5,0 điểm hoặc có 1 tiêu chuẩn bị điểm không (0,0 điểm).

Người chấm 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chấm 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
Chủ tịch Hội đồng xét duyệt

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SÁNG KIẾN
NĂM HỌC 20..... – 20.....

Tên sáng kiến:

Tên tác giả:..... Mã số:

Đơn vị:.....

PHẦN ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn	Đánh giá, nhận xét	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Hình thức và cách trình bày (Đúng quy cách)		1,0	
2. Lý do chọn vấn đề thực hiện - Đặt vấn đề phù hợp với nội dung thực hiện. - Đánh giá rõ thực trạng của vấn đề. - Vấn đề thực hiện thể hiện tính cấp thiết.		1,5	
3. Giải quyết nội dung vấn đề - Tính mới, sáng tạo và hiệu quả. - Đảm bảo tính sư phạm. - Cách thức thực hiện và khả năng áp dụng		4,5	
4. Hiệu quả của giải pháp thực hiện và phạm vi áp dụng, nhân rộng		3,0	
Tổng cộng		10,0	
Xếp loại			

Thời gian áp dụng:.....

Phạm vi áp dụng:.....

Đề nghị công nhận sáng kiến: 1. cấp tỉnh ; 2. cơ sở

(Xuất sắc: từ 9,0 đến 10 điểm; Khá: từ 7,0 đến 8,9 điểm; Đạt: từ 5,0 đến 6,9 điểm; Không đạt: dưới 5,0 điểm hoặc có 1 tiêu chuẩn bị điểm không (0,0 điểm))

Người chấm
(Họ tên, chữ ký)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN ĐƠN VỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÉT DUYỆT SÁNG KIẾN

Tên sáng kiến :

Tác giả: Mã số:

Môn (hoặc Lĩnh vực):

Đơn vị :

Đánh giá của Hội đồng chấm (Ghi tóm tắt những đánh giá chính):

.....

1. Hình thức và cách trình bày: /1,0 điểm
2. Lý do chọn vấn đề: /1,5 điểm
3. Giải quyết vấn đề: /4,5 điểm
4. Giải pháp và phạm vi áp dụng: /3,0 điểm
Tổng cộng /10.0 điểm

Xếp loại :..... Trong đó, Xuất sắc: từ 9,0 đến 10 điểm; Khá: từ 7,0 đến 8,9 điểm; Đạt: từ 5,0 đến 6,9 điểm; Không đạt: dưới 5,0 điểm hoặc có 1 tiêu chuẩn bị điểm không (0,0 điểm).

Người chấm 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chấm 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
Chủ tịch Hội đồng xét duyệt